

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÁT TIÊN
TỈNH LÂM ĐỒNG**

Bản án số: 09/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 30/5/2022

V/v: Yêu cầu hủy kết hôn trái pháp luật

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÁT TIÊN, TỈNH LÂM ĐỒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Diện; Ông Nguyễn Tấn Bình

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng tham gia phiên toà: Ông Nông Văn Quỳnh - kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên tỉnh Lâm Đồng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 21/2022/TLST- HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2022 về tranh chấp “*Hủy kết hôn trái pháp luật, nuôi con chung*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2022/QĐXXST - HNGĐ ngày 12 tháng 5 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà N T D - Sinh ngày 28/5/1983

Địa chỉ: Thôn P T – P C 2 – C T – Lâm Đồng.

Bị đơn: Ông Đ V T – Sinh năm 1976.

Địa chỉ: Thôn P T – P C – C T – Lâm Đồng.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

Ủy ban nhân dân xã Phước C, C T, Lâm Đồng.

Người đại diện theo pháp luật: Ông M BX, chức vụ: Chủ tịch ủy ban nhân dân xã P C.

(Nguyên đơn và bị đơn có mặt, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 17 tháng 02 năm 2022, bản tự khai và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà N T D trình bày:

Về hôn nhân: Bà D kết hôn với ông Đ V T tại ủy ban nhân dân xã Phước Cát 2, huyện C T, tỉnh Lâm Đồng vào năm 2000. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hòa thuận, thời gian gần đây gia đình không hạnh phúc nên không thể tiếp tục sống chung,

khi kết hôn với ông T vào năm 2000, bà 16 tuổi 10 tháng chưa đủ tuổi để đăng ký kết hôn. Gia đình kê khai tuổi từ sinh năm 1983 thành sinh năm 1982 đủ tuổi đăng ký kết hôn. Việc khai tăng tuổi trong hồ sơ từ năm 1982 thành sinh năm 1983 cơ quan đăng ký kết hôn không biết. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án hủy kết hôn trái pháp luật với ông Đ V T.

Ý kiến trình bày của ông T: Ông và bà D kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện khi đăng ký kết hôn do chưa đủ tuổi đăng ký nên gia đình có kê khai tăng tuổi của bà D từ sinh năm 1983 thành sinh năm 1982 đủ tuổi được đăng ký kết, thời điểm đăng ký kết hôn bà D khoảng 16 tuổi 9 tháng 18 ngày. Việc kê khai tuổi tăng so thực tế cơ quan đăng ký kết hôn không biết, quá trình vợ chồng chung sống hạnh phúc nhưng sau này do phát sinh mâu thuẫn, bà D đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật thì ông đồng ý.

Về con chung: Bà D và ông T xác nhận vợ chồng có 02 người con chung Đ Tài C, sinh ngày 26/02/2001 và Đ H P, sinh ngày 02/9/2006, bà Dn xin được nuôi con chung Đ H P; Về cấp dưỡng nuôi con không yêu cầu. Đối với con chung Đ TC đã trưởng thành đủ 18 tuổi, bà Diên, Ông Thảo không yêu cầu giải quyết. Ông Đ V T đồng ý giao con chung Đ H P cho bà D nuôi dưỡng. về cấp dưỡng tự thỏa thuận.

Về tài sản, công nợ và các vấn đề khác: Bà D và ông T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan: Ủy ban nhân dân xã P C, huyện C T, tỉnh L Đ trong quá trình giải quyết vụ án: Việc đăng ký kết hôn là tự nguyện, đúng quy định nhưng do việc kê khai tuổi của bà D sinh năm 1983 thành 1982 cao hơn so với tuổi thực tế, căn cứ vào giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu của bà D Cung cấp, sinh ngày 28/5/1983, giấy chứng nhận kết hôn số 04/2000 của ủy ban nhân dân xã Phước C là trái pháp luật, ủy ban nhân dân xã Phước C đề nghị Tòa án nhân dân huyện C T hủy giấy đăng ký kết hôn số 04/2000.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện; bị đơn thống nhất đề nghị hủy kết hôn trái pháp luật; Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan có đơn xét xử vắng mặt tại phiên tòa.

Ý kiến phát biểu kiểm sát viên tại phiên tòa: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; thư ký phiên tòa đúng trình tự thủ tục do Bộ luật tố tụng dân sự quy định; việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm hội đồng xét xử đúng quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà D đề nghị hội đồng xét xử áp dụng Điều 28, Điều 35, 36, 39, 147, 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Điều 9, Điều 15, 16, 17 luật hôn nhân và gia đình năm 2000 và Điều 11,12, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 và 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017; Về quan hệ hôn nhân: Hủy kết hôn trái pháp luật giữa bà Nguyễn Thị Diên và ông Đặng Văn Thảo.

Về con chung: Giao con chung Đ Hg P, sinh ngày 02/9/2006 cho bà N T D trực tiếp nuôi dưỡng; Về cấp dưỡng không yêu cầu nên không đề nghị

Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Đây là tranh chấp hôn nhân gia đình (Hủy kết hôn trái pháp luật, tranh chấp về nuôi con) bị đơn ông Đ V T có hộ khẩu thường trú: Thôn P T, xã P C, huyện Cát Tiên, Lâm Đồng, nơi đăng ký kết hôn là ủy ban nhân dân xã PC, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Cát Tiên, Tỉnh Lâm Đồng theo quy định tại Điều 28, Điều 35, điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ủy ban nhân dân xã P C có đơn xét xử vắng mặt tại phiên Tòa căn cứ Điều 227, 228 bộ luật tố tụng dân sự 2015. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt theo thủ tục chung.

[3] Về hôn nhân: Xét đơn yêu cầu hủy kết hôn của nguyên đơn. Hội đồng xét xử thấy rằng: Bà N T D và ông Đ V T kết hôn tự nguyện, kết hôn ngày 17/3/2000 tại ủy ban nhân dân xã P C, huyện Cát Tiên. Căn cứ vào văn bản của UBND xã Phước Cát 2, huyện Cát Tiên là nơi thực hiện việc đăng ký kết hôn giữa bà D và ông , tại giấy chứng nhận kết hôn số 04/2000 ngày 17/3/2000, họ và tên chồng Đ V T, sinh ngày 28/2/1976; họ và tên vợ N T D, sinh năm 1982.

Tuy nhiên căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ bà D cung cấp cho Tòa án giấy khai sinh, chứng minh nhân dân, hộ khẩu, văn bản của ủy ban nhân dân xã P C và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định bà Diên tên đầy đủ là Nguyễn Thị D, sinh ngày 28/5/1983. Vì vậy thời điểm đăng ký kết hôn ngày 17/3/2000 thì bà Diên mới 16 tuổi 9 tháng 18 ngày chưa đủ tuổi kết hôn thuộc trường hợp kết hôn trái pháp luật vi phạm điều 9 luật hôn nhân gia đình năm 2000. Quá trình chung sống giữa bà D và ông T xảy ra nhiều mâu thuẫn nên cần hủy đăng ký kết hôn số 04/2000 ngày 17/3/2000 của UBND xã Phước Cát 2, huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng theo điều 9, điều 15 điều 16, điều 17 luật hôn nhân và gia đình năm 2000 là phù hợp.

[4] Về con chung: Bà D và ông T có 02 người con chung gồm Đ T C, sinh ngày 26/02/2001 và Đặng Hoàng Phúc, sinh ngày 02/9/2006, ông Thảo và bà D trình bày đối với con Đ T C đã trưởng thành đủ 18 tuổi không yêu cầu giải quyết. Ông Thảo, bà Diên thống nhất nuôi con chung giao con Đ H Ph cho bà D nuôi dưỡng, ý kiến của cháu Phúc xin được ở với mẹ đây là sự tự nguyện. Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận Giao con chung Đ HP, sinh ngày 02/9/2006 cho bà N T D trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về cấp dưỡng: Ông T và bà D tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết. Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản chung: Không yêu cầu nên không xem xét

[6] Về Nợ chung: Các đương sự trình bày không có nợ chung nên không xem xét.

[7] Về án phí: Bà N T D là nguyên đơn nên phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 150, 227, 228 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ các Điều 9, Điều 15, Điều 16, Điều 17 luật hôn nhân gia đình năm 2000 và Điều 11,12, 81, 82, 83, 84 luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án và có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2017.

Xử:

Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện bà N T D hủy kết hôn trái pháp luật giữa ông Đ V T và bà N T D; Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 04/2000 ngày 17/3/2000 của Ủy ban nhân dân xã Pc C, huyện C T, tỉnh Lâm Đồng.

Về con chung: Giao con chung Đ H P, sinh ngày 02/9/2006 cho bà N T D trực tiếp nuôi dưỡng.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom con, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng theo quy định luật hôn nhân và gia đình.

Về án phí: Bà N TD phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ đã nộp theo biên lai thu số 0000639 ngày 02 tháng 3 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cát Tiên, tỉnh Lâm Đồng.

Trường hợp Bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

Nơi nhân:

- TAND tỉnh Lâm Đồng;
- VKS huyện Cát Tiên;
- Chi cục thi hành án dân sự
- Đương sự;
- Cơ quan đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đã ký

Trần Thị Thanh Thúy

